

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA  
VÀ CÁC CÔNG TY CON**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

---

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	10 – 46

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thép Pomina (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được soát xét của Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Công ty gọi chung là "Nhóm công ty") cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020.

#### THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đỗ Xuân Chiêu	Chủ tịch
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Phó Chủ tịch
Bà Đỗ Thị Kim Cúc	Thành viên
Ông Đỗ Duy Thái	Thành viên
Ông Đỗ Văn Khánh	Thành viên
Bà Võ Thị Thu Hiền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Tô Từ	Trưởng ban
Ông Nguyễn Bạch Trường Chinh	Thành viên
Ông Đỗ Hoàn Mỹ	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Hoài Khánh Linh	Tổng Giám đốc Chi nhánh

#### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư Vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

#### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Nhóm công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

### CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty công bố rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

### CAM KẾT CỦA CỔ ĐÔNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Nhóm công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn với số tiền là 604.974.931.866 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Nhóm công ty phụ thuộc hoạt động kinh doanh có lãi và việc tiếp tục tài trợ của các cổ đông trong tương lai. Vào ngày lập báo cáo này không có lý do nào để Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty tin rằng các cổ đông sẽ không tiếp tục tài trợ để Nhóm công ty có thể hoạt động liên tục trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm vẫn được soạn thảo trên cơ sở giả định Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



**Đỗ Tiên Sĩ**  
**Tổng Giám đốc**

Bình Dương, ngày 04 tháng 09 năm 2020

Số: 21.181-HN/BCSX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các cổ đông  
Các thành viên Hội đồng Quản trị  
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc  
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Thép Pomina (dưới đây gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty"), được lập ngày 04 tháng 09 năm 2020, từ trang 5 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc.

***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Nhóm công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

*(Xem tiếp trang sau)*

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

### **Kết luận của kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thép Pomina và các công ty con tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/03/ 2016 và hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi lưu ý người đọc đến mục 2.5 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm về việc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 Nhóm công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn với số tiền là 604.974.931.866 VND. Điều kiện này cho thấy sự tồn tại các yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Nhóm công ty. Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

### **KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Đặng Thị Hồng Loan**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
0425-2018-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 09 năm 2020

*Như đã trình bày tại mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>5.067.255.806.382</b>	<b>6.781.656.905.040</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	4.1	<b>82.597.701.285</b>	<b>115.083.879.755</b>
1. Tiền	111		82.597.701.285	115.083.879.755
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.677.403.047.995</b>	<b>3.163.795.801.389</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	2.176.437.107.187	2.361.675.472.937
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	366.731.516.081	568.638.455.140
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	156.206.349.727	255.453.798.312
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.6	(21.971.925.000)	(21.971.925.000)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	4.7	<b>1.927.740.391.849</b>	<b>3.066.036.668.623</b>
1. Hàng tồn kho	141		1.930.656.664.117	3.068.132.730.186
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.916.272.268)	(2.096.061.563)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>379.514.665.253</b>	<b>436.740.555.273</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	61.332.466.294	45.413.688.636
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		311.814.601.878	380.282.519.598
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.13	6.367.597.081	11.044.347.039
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>5.697.894.856.566</b>	<b>5.017.098.061.316</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.933.913.201.441</b>	<b>1.914.669.781.914</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	1.933.445.566.172	1.913.801.455.154
Nguyên giá	222		5.192.683.513.109	5.073.641.654.005
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.259.237.946.937)	(3.159.840.198.851)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.10	467.635.269	868.326.760
Nguyên giá	228		14.406.504.484	14.406.504.484
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.938.869.215)	(13.538.177.724)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>3.690.118.066.509</b>	<b>3.020.397.248.622</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.8	3.690.118.066.509	3.020.397.248.622
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	4.2	-	-
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.402.985.380	11.402.985.380
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(11.402.985.380)	(11.402.985.380)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>71.863.588.616</b>	<b>80.031.030.780</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	69.377.000.969	77.613.217.453
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.486.587.647	2.417.813.327
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>10.765.150.662.948</b>	<b>11.798.754.966.356</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>7.421.267.279.452</b>	<b>8.304.208.124.231</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>5.672.230.738.248</b>	<b>6.730.005.334.876</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	469.259.482.494	877.242.320.858
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		182.429.530.156	3.626.488.226
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.13	498.231.550	6.412.298.322
4. Phải trả người lao động	314		7.075.013.657	10.574.779.975
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.14	70.268.075.197	50.135.395.262
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.15	39.081.951.918	13.296.571.714
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.16	4.903.555.977.556	5.768.633.004.799
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		62.475.720	84.475.720
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.749.036.541.204</b>	<b>1.574.202.789.355</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333		31.190.457.962	8.500.517.181
2. Phải trả dài hạn khác	337	4.15	95.883.342.000	95.883.342.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.16	1.621.962.741.242	1.469.818.930.174
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.343.883.383.496</b>	<b>3.494.546.842.125</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>3.343.883.383.496</b>	<b>3.494.546.842.125</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	4.17.1	2.796.763.360.000	2.433.449.520.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.796.763.360.000	2.433.449.520.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	4.17.1	35.000.000.000	35.000.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	4.17.1	(31.347.567.000)	(31.347.567.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.17.1	701.430.066.244	701.430.066.244
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	4.17.1	(164.465.712.483)	349.526.197.442
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		(13.787.642.558)	658.238.139.762
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(150.678.069.925)	(308.711.942.320)
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		6.503.236.735	6.488.625.439
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>10.765.150.662.948</b>	<b>11.798.754.966.356</b>



**Đỗ Tiên Sĩ**  
 Tổng Giám đốc  
 Bình Dương, ngày 04 tháng 09 năm 2020

**Nguyễn Nhật Trường**  
 Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Phương Mai**  
 Người lập biểu



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

Mẫu số B 02a - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kê toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	5.071.178.972.546	6.184.823.584.726
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.2	30.790.133.974	243.985.805
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.040.388.838.572	6.184.579.598.921
4. Giá vốn hàng bán	11	5.3	4.902.616.820.348	6.080.236.922.332
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		137.772.018.224	104.342.676.589
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.4	9.008.313.245	4.183.082.027
7. Chi phí tài chính	22	5.5	221.352.094.480	164.060.740.345
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		209.606.785.105	148.413.767.420
8. Chi phí bán hàng	25	5.6	20.498.388.360	15.224.425.059
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.7	52.677.824.308	52.794.022.082
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(147.747.975.679)	(123.553.428.870)
11. Thu nhập khác	31		782.080.315	177.495.263
12. Chi phí khác	32		3.583.254.159	7.923.962.891
13. Lợi nhuận khác	40		(2.801.173.844)	(7.746.467.628)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(150.549.149.523)	(131.299.896.498)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	183.083.426	1.143.732.293
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(68.774.320)	(347.614.382)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(150.663.458.629)	(132.096.014.409)
18. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(150.678.069.925)	(131.816.967.148)
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		14.611.296	(279.047.261)
20. Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	70	4.17.5	(541)	(473)



**Đỗ Tiên Sĩ**  
**Tổng Giám đốc**

Bình Dương, ngày 04 tháng 09 năm 2020

**Nguyễn Nhật Trường**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Phương Mai**  
**Người lập biểu**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(150.549.149.523)	(131.299.896.498)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	5.8	122.488.380.358	107.664.716.568
Các khoản dự phòng	03		820.210.705	1.999.285.298
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.5	2.644.755.415	4.010.521.614
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.316.763.481)	(315.692.557)
Chi phí lãi vay	06	5.5	209.606.785.105	148.413.767.420
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08		<b>182.694.218.579</b>	<b>130.472.701.845</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		546.756.766.797	709.150.692.105
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.137.476.066.069	(575.302.393.035)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		59.678.472.943	(230.039.955.505)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		(7.682.561.174)	(9.449.674.371)
Tiền lãi vay đã trả	14		(209.135.019.720)	(148.296.955.365)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.13	(5.694.502.313)	(2.596.872.419)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(22.000.000)	(632.356.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.704.071.441.181</b>	<b>(126.694.812.745)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.024.009.308.561)	(481.748.662.903)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	18.181.818
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.4	2.316.763.481	297.510.739
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.021.692.545.080)</b>	<b>(481.432.970.346)</b>

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	5.497.574.878.973	8.810.463.109.861
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(6.212.975.956.713)	(8.008.446.372.256)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(715.401.077.740)</b>	<b>802.016.737.605</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b> (50 = 20+30+40)	<b>50</b>		<b>(33.022.181.639)</b>	<b>193.888.954.514</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		115.083.879.755	143.297.553.549
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		536.003.169	2.990.005.175
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ</b> (70 = 50+60+61)	<b>70</b>	4.1	<b>82.597.701.285</b>	<b>340.176.513.238</b>



**Đỗ Tiến Sĩ**  
Tổng Giám đốc

Bình Dương, ngày 04 tháng 09 năm 2020

**Nguyễn Nhật Trường**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Thị Phương Mai**  
Người lập biểu

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thép Pomina (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), trước đây là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thép Pomina, được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3700321364 ngày 17 tháng 07 năm 2008 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 01 tháng 04 năm 2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 2.796.763.360.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.

Công ty có đầu tư vào các công ty con như được trình bày tại mục 1.6 dưới đây (cùng với Công ty dưới đây gọi chung là "Nhóm công ty").

Các đơn vị trực thuộc tính đến 30 tháng 06 năm 2020 gồm:

- Chi nhánh Nhà máy Thép Pomina 1 được đặt tại Số 01, Đường 27, Khu công nghiệp Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương.
- Chi nhánh Nhà máy Luyện Phôi Thép được đặt tại Số 09, Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tổng số nhân viên của Nhóm công ty tại ngày 30/06/2020 là 1.919 (31/12/2019 là: 1.805).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất công nghiệp, thương mại và dịch vụ.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Nhóm công ty là:

- Sản xuất sắt, thép, gang;
- Tái chế phế liệu kim loại;
- Kinh doanh các sản phẩm từ thép.

**1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc Nhóm công ty**

Nhóm công ty được cấu trúc theo hình thức sở hữu đa cấp gồm công ty mẹ, 01 công ty trực tiếp và 01 công ty con gián tiếp.

*(Xem tiếp trang sau)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****1.6. Các công ty con được hợp nhất*****Công ty con trực tiếp:***

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty Cổ phần Thép Pomina 2	KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	99,5%	99,5%

***Công ty con gián tiếp:***

<u>Tên</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>
Công ty TNHH Tôn Pomina	KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	99,5%	99,5%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Nhóm công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty từ 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**2.5. Giả định hoạt động liên tục**

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2020, Nhóm công ty có nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn với số tiền là 604.974.931.866 VND. Khả năng hoạt động liên tục của Nhóm công ty phụ thuộc vào các hoạt động có lãi trong tương lai và việc tiếp tục tài trợ của các cổ đông. Vào ngày phát hành báo cáo soát xét không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Nhóm công ty tin rằng các cổ đông sẽ không tiếp tục tài trợ cho hoạt động của Nhóm công ty trong tương lai. Do vậy, các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 vẫn được soạn thảo trên cơ sở Nhóm công ty tiếp tục hoạt động liên tục.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**2.6. Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Nhóm công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

***Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát***

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

***Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ***

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG**

**3.1. Ngoại tệ**

- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thường xuyên có giao dịch;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm công ty thường xuyên có giao dịch.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

**3.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho giao đoạn tài chính kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán số 24 – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

### 3.4. Đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác*

##### *Đầu tư khác*

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

#### *Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác*

##### *Đối với các khoản đầu tư khác*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

### 3.5. Nợ phải thu

#### *Nguyên tắc ghi nhận*

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

#### *Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi*

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc dựa trên khả năng thu hồi các khoản nợ phải thu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

### 3.6. Hàng tồn kho

#### *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

### ***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### ***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

### **3.7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

#### ***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

#### ***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

▪ Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 40 năm
▪ Máy móc thiết bị	05 – 20 năm
▪ Phương tiện vận tải truyền dẫn	07 – 10 năm
▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
▪ Tài sản khác	03 – 08 năm

### **3.8. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình***

***Phần mềm kế toán***

Phần mềm kế toán không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**3.9. Thuê tài sản**

***Phân loại thuê tài sản***

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

***Thuê hoạt động***

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

**3.10. Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.11. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa, chi phí trực cán, tiền thuê đất và lợi thế kinh doanh. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ, dụng cụ và thiết bị phụ tùng thay thế được phân bổ dần từ 01 năm đến 06 năm;
- Tiền thuê đất, thuê cơ sở hạ tầng, thuê tài sản cố định trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- Lợi thế kinh doanh khi chuyển đổi hình thức sở hữu Công ty từ trách nhiệm hữu hạn sang cổ phần được phân bổ đến năm 2026 theo Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty số 3/12001/BB-HĐQT ngày 18 tháng 06 năm 2012.

**3.12. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.13. Chi phí đi vay**

***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

**3.14. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh hợp nhất của kỳ báo cáo.

**3.15. Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Điều 48 Bộ luật lao động 2012, đối với người lao động đã có thời gian làm việc thường xuyên cho Nhóm công ty từ đủ 12 tháng trở lên ("người lao động thỏa điều kiện") khi chấm dứt hợp đồng lao động theo đúng quy định của Bộ luật Lao động thì người sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho người lao động đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương bình quân của người lao động đó được tính theo quy định.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho những người lao động thỏa điều kiện cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập dựa trên số năm làm việc của người lao động là tổng thời gian làm việc thực tế cho Nhóm công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Nhóm công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong sáu tháng liền kề tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc này sẽ được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động 2012.

**3.16. Nguồn vốn chủ sở hữu**

***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

***Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ và theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.17. Doanh thu và thu nhập khác**

***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

***Lãi tiền gửi***

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**3.18. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

**3.19. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.20. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**3.21. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí nhân công, quảng cáo, vận chuyển.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách,...).

**3.22. Thuế**

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

*Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành là 20%.

*Chi phí thuế TNDN hoãn lại*

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Nhóm công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Nhóm công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### *Ưu đãi, miễn giảm thuế của Chi nhánh Nhà máy Luyện Phôi thép*

Theo Giấy phép đầu tư số 492210000139 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 28 tháng 10 năm 2008, Chi nhánh Nhà máy Luyện Phôi thép được hưởng ưu đãi với thuế suất 10% lợi nhuận thu được trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu kinh doanh là năm 2012. Chi nhánh được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi được xác định là năm 2015 và giảm 50% trong 09 năm tiếp theo.

#### *Ưu đãi, miễn giảm thuế của Công ty Cổ phần Thép Pomina 2 ("Pomina 2")*

Theo Giấy phép đầu tư số 4903000349 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 04 tháng 06 năm 2007, Pomina 2 được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Đối với dự án luyện phôi thép, Pomina 2 được hưởng ưu đãi với thuế suất 10% lợi nhuận thu được trong 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu kinh doanh và bằng 20% lợi nhuận thu được trong các năm tiếp theo. Pomina 2 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi được xác định là năm 2007 và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2011 đến năm 2017).
- Đối với dự án cán thép hợp kim, Pomina 2 được hưởng ưu đãi với thuế suất 15% lợi nhuận thu được trong các năm tiếp theo. Pomina 2 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi kinh doanh bắt đầu có lãi được xác định là năm 2009 và giảm 50% trong 07 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2018).

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Nhóm công ty cung cấp được tính theo các mức thuế là 10%.

#### *Các loại thuế khác*

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế đối với báo cáo thuế của các công ty trong Nhóm công ty.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****3.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Nhóm công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Nhóm công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.25. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**3.26. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Nhóm công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Nhóm công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	2.123.301.820	321.131.231
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	80.474.399.465	114.762.748.524
<b>Cộng</b>	<b>82.597.701.285</b>	<b>115.083.879.755</b>

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Tân Thành Mỹ	11.402.985.380	-	11.402.985.380	-

Tại ngày báo cáo, Nhóm công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	1.808.210.326.537	1.875.354.384.032
Phải thu từ khách hàng:		
Chip Mong Group Co., Ltd	89.785.841.316	114.499.142.122
Lim Hok Chhourn Steel Co., Ltd	72.706.239.693	59.304.223.448
Công ty TNHH TM DV Bình Trị	37.025.122.703	35.535.599.064
Công Ty TNHH Ngô Hoàng Phương Nam	30.549.020.095	19.191.898.362
Global Steel Co., Ltd	27.438.773.837	95.381.758.074
Công Ty TNHH Sắt Thép Thiên Phúc	21.081.613.413	-
Công ty TNHH Thương Mại Quốc Tế Việt Nguyên	-	66.850.314.882
Các khách hàng khác	89.640.169.593	95.558.152.953
<b>Cộng</b>	<b><u>2.176.437.107.187</u></b>	<b><u>2.361.675.472.937</u></b>

Toàn bộ khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.16.

**4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty TNHH Thương Mại Quốc Tế Việt Nguyên	248.117.100.000	-
Chung Hung Steel Corporation	40.786.892.697	138.650.045.182
Asian Pacific Ecology Trade Co., Ltd	21.971.925.000	21.971.925.000
TSR Metals GMBH & Co. KG	11.476.000.000	-
China Machinery Industry International Cooperation Co., Ltd	-	143.533.390.910
China 15th Metallurgical Construction	-	81.502.705.280
Hyundai Corporation	-	48.901.320.000
Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	-	34.702.470.000
Chinatech Tanrry Technology Co., Ltd	1.135.524.750	23.852.968.080
Các nhà cung cấp khác	43.244.073.634	75.523.630.688
<b>Cộng</b>	<b><u>366.731.516.081</u></b>	<b><u>568.638.455.140</u></b>

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, giá trị khoản trả trước cho người bán ngắn hạn là 335.860.349.721 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.16.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.5. Phải thu khác**

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Cầm cố, ký quỹ	141.459.123.560	-	248.243.398.753	-
Tạm ứng	2.158.958.253	-	2.231.584.550	-
Phải thu khác	12.576.855.194	-	4.976.083.026	-
Tạm ứng cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	11.412.720	-	2.731.983	-
<b>Cộng</b>	<b><u>156.206.349.727</u></b>	<b>-</b>	<b><u>255.453.798.312</u></b>	<b>-</b>
Dài hạn:				
Ký quỹ mua nhiên liệu	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-

Khoản cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 02 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với số tiền 100.000.000.000 VND đã được dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.16.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.6. Nợ xấu**

Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

21.971.925.000 - 21.971.925.000 -

Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn là thấp vì nhà cung cấp có khả năng không thanh toán.

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

**Tại ngày 30/06/2020**

**Tại ngày 01/01/2020**

Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Asian Pacific Ecology Trade Co., Ltd	-	21.971.925.000	-

Trên 3 năm - Trên 2 năm

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.7. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	14.685.424.943	-	267.163.129.445	-
Nguyên liệu, vật liệu	909.485.390.860	-	1.375.913.799.027	-
Công cụ, dụng cụ	80.733.395.049	-	130.290.715.854	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	98.035.020.175	-	123.632.858.169	-
Thành phẩm	827.717.433.090	(2.916.272.268)	1.171.111.791.401	(2.096.061.563)
Hàng hóa	-	-	20.436.290	-
<b>Cộng</b>	<b>1.930.656.664.117</b>	<b>(2.916.272.268)</b>	<b>3.068.132.730.186</b>	<b>(2.096.061.563)</b>

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.16.

**4.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí xây dựng dự án Lò Cao	2.195.766.982.450	-	1.524.560.857.902	-
Dự án Nhà máy sản xuất tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và ống thép màu	1.493.261.444.409	-	1.494.746.751.070	-
Chi phí xây dựng Nhà máy luyện	1.089.639.650	-	1.089.639.650	-
<b>Cộng</b>	<b>3.690.118.066.509</b>	<b>-</b>	<b>3.020.397.248.622</b>	<b>-</b>

Giá trị hình thành từ dự án nhà máy sản xuất tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và ống thép màu đã được dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.16.

Giá trị hình thành từ Chi phí xây dựng dự án Lò Cao đã được dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.16.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2020	1.048.246.385.304	3.849.938.075.045	155.115.281.424	13.402.838.045	6.939.074.187	5.073.641.654.005
Mua trong kỳ	-	117.225.394.199	1.119.945.455	-	-	118.345.339.654
Tăng từ XDCB	696.519.450	-	-	-	-	696.519.450
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>1.048.942.904.754</b>	<b>3.967.163.469.244</b>	<b>156.235.226.879</b>	<b>13.402.838.045</b>	<b>6.939.074.187</b>	<b>5.192.683.513.109</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2020	471.797.929.573	2.548.663.466.754	121.358.881.348	11.594.460.545	6.425.460.631	3.159.840.198.851
Khấu hao trong kỳ	21.564.304.156	72.347.786.955	5.052.440.674	217.382.301	215.834.000	99.397.748.086
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>493.362.233.729</b>	<b>2.621.011.253.709</b>	<b>126.411.322.022</b>	<b>11.811.842.846</b>	<b>6.641.294.631</b>	<b>3.259.237.946.937</b>
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2020	576.448.455.731	1.301.274.608.291	33.756.400.076	1.808.377.500	513.613.556	1.913.801.455.154
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>555.580.671.025</b>	<b>1.346.152.215.535</b>	<b>29.823.904.857</b>	<b>1.590.995.199</b>	<b>297.779.556</b>	<b>1.933.445.566.172</b>

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình với số tiền 478.923.632.112 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo cho các khoản vay – Xem thêm mục 4.16

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.425.862.842.381 VND.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

<b>Khoản mục</b>	<b>Phần mềm vi tính VND</b>
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2020	14.406.504.484
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>14.406.504.484</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2020	13.538.177.724
Khấu hao trong kỳ	400.691.491
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>13.938.869.215</b>
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2020	868.326.760
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>467.635.269</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 9.904.934.930 VND.

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.11. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ	19.460.850.144	24.241.835.033
Chi phí sửa chữa	14.381.611.118	7.725.689.971
Chi phí quảng cáo	3.577.223.982	2.516.873.150
Các khoản khác	23.912.781.050	10.929.290.482
<b>Cộng</b>	<b><u>61.332.466.294</u></b>	<b><u>45.413.688.636</u></b>
Dài hạn:		
Lợi thế kinh doanh	35.756.633.252	38.507.143.496
Chi phí thuê đất	11.809.422.419	12.133.180.668
Công cụ, dụng cụ	16.633.147.926	20.816.720.643
Chi phí sửa chữa	596.936.571	1.499.935.222
Các khoản khác	4.580.860.801	4.656.237.424
<b>Cộng</b>	<b><u>69.377.000.969</u></b>	<b><u>77.613.217.453</u></b>

Giá trị quyền sử dụng đất thuê là 11.809.422.419 VND đã được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm cho các khoản vay tại thời điểm cuối năm – Xem thêm mục 4.16.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8	251.618.750	251.618.750	254.493.600	254.493.600
Phải trả cho người bán:				
Vesuvius Malaysia Sdn Bhd	57.395.458.999	57.395.458.999	40.928.669.654	40.928.669.654
Công ty CP Gang Thép Nghi Sơn	51.317.108.150	51.317.108.150	-	-
Capital Engineering & Research Inco	39.973.976.686	39.973.976.686	54.767.664.873	54.767.664.873
China machinery Industry International	2.492.040.763	2.492.040.763	293.936.703.866	293.936.703.866
Công ty CP Thép VAS Tuệ Minh	-	-	53.939.469.375	53.939.469.375
Nansei Co., Ltd	-	-	52.327.781.850	52.327.781.850
Xun Xiang Metalware Co., Ltd	-	-	39.031.417.680	39.031.417.680
Phải trả cho các đối tượng khác	317.829.279.146	317.829.279.146	342.056.119.960	342.056.119.960
<b>Cộng</b>	<b>469.259.482.494</b>	<b>469.259.482.494</b>	<b>877.242.320.858</b>	<b>877.242.320.858</b>

Các nhà cung cấp khác có số dư mỗi nhà cung cấp nhỏ hơn 10% tổng số dư phải trả ngắn hạn vào ngày 30 tháng 06 năm 2020.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.13. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 30/06/2020		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2020	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT phải nộp	-	-	994.570.148.475	994.570.148.475	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	1.238.614.538	-	53.149.238.691	47.805.846.654	5.985.095.029	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.467.028.306	3.309.822	183.083.426	5.694.502.313	4.467.028.306	5.514.728.709
Thuế thu nhập cá nhân	575.028.091	494.921.728	2.748.307.797	3.001.085.181	506.297.558	897.569.613
Các loại thuế khác	66.622.325	-	148.969.425	149.969.425	65.622.325	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	20.303.821	-	68.777.800	68.777.800	20.303.821	-
<b>Cộng</b>	<b>6.367.597.081</b>	<b>498.231.550</b>	<b>1.050.868.525.614</b>	<b>1.051.290.329.848</b>	<b>11.044.347.039</b>	<b>6.412.298.322</b>

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Mua nguyên vật liệu	47.344.072.139	31.991.321.278
Lãi vay	12.392.926.943	11.846.607.788
Các khoản trích trước khác	10.531.076.115	6.297.466.196
<b>Cộng</b>	<b>70.268.075.197</b>	<b>50.135.395.262</b>

**4.15. Phải trả khác**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Nhận trước tiền bảo hiểm bồi thường	20.000.000.000	-
Cổ tức phải trả	4.839.133.419	4.839.133.419
BHXH, BHYT, BHTN	2.031.100.142	258.652.602
Kinh phí công đoàn	1.967.130.073	1.393.344.156
Tài sản thừa chờ giải quyết	562.930.334	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.681.657.950	6.805.441.537
<b>Cộng</b>	<b>39.081.951.918</b>	<b>13.296.571.714</b>

## Dài hạn:

Phải trả bên liên quan – Xem thêm mục 8	95.883.342.000	95.883.342.000
---	----------------	----------------

*(Xem tiếp trang sau)*

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.16. Vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND		VND		VND	
<b>Ngắn hạn:</b>						
Vay ngân hàng	4.883.940.977.556	4.883.940.977.556	5.281.263.929.470	6.126.725.956.713	5.729.403.004.799	5.729.403.004.799
Vay dài hạn đến hạn trả	19.615.000.000	19.615.000.000	-	19.615.000.000	39.230.000.000	39.230.000.000
<b>Cộng</b>	<b>4.903.555.977.556</b>	<b>4.903.555.977.556</b>	<b>5.281.263.929.470</b>	<b>6.146.340.956.713</b>	<b>5.768.633.004.799</b>	<b>5.768.633.004.799</b>
<b>Dài hạn:</b>						
Vay ngân hàng	1.517.871.841.242	1.517.871.841.242	216.188.811.068	86.250.000.000	1.387.933.030.174	1.387.933.030.174
Vay dài hạn cá nhân	123.705.900.000	123.705.900.000	2.590.000.000	-	121.115.900.000	121.115.900.000
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả	(19.615.000.000)	(19.615.000.000)	-	(19.615.000.000)	(39.230.000.000)	(39.230.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>1.621.962.741.242</b>	<b>1.621.962.741.242</b>	<b>218.778.811.068</b>	<b>66.635.000.000</b>	<b>1.469.818.930.174</b>	<b>1.469.818.930.174</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>6.525.518.718.798</b>	<b>6.525.518.718.798</b>	<b>5.500.042.740.538</b>	<b>6.212.975.956.713</b>	<b>7.238.451.934.973</b>	<b>7.238.451.934.973</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Vay ngân hàng ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh với tổng hạn mức tại mọi thời điểm không vượt quá 3.750.000.000.000 VND, theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 19.2680008/2019-HĐCVHM/NHCT900-POM1 ngày 01 tháng 03 năm 2019 với hạn mức tín dụng mọi thời điểm không vượt quá 250.000.000.000 VND. Khoản vay với mục đích bổ sung vốn ngắn hạn, phát hành bảo lãnh, L/C nhập khẩu. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2020 với lãi suất điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản như sau:
  - + Hàng hóa luân chuyển của Nhà máy thép Pomina 1 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina được quy định tại Văn bản sửa đổi bổ sung số 14.0620224/HĐTC.TKLC-02 ngày 12 tháng 04 năm 2016 và hàng hóa luân chuyển của Công ty Cổ phần Thép Pomina được quy định tại Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp hàng hóa luân chuyển số 01/2013/HĐTC-NHCT900-POM3 - 03 ngày 15 tháng 10 năm 2014 - Xem thêm mục 4.7;
  - + Các quyền tài sản phát sinh từ các khoản phải thu, các hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán của Nhà máy luyện phôi thép - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina với các công ty trong nhóm thép Pomina (bao gồm Công ty Cổ phần Thép Pomina, Công ty TNHH TM Thép Pomina) được quy định tại Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/2013/HĐTC-NHCT900-POM3 - 03 ngày 15 tháng 10 năm 2014 - Xem thêm mục 4.3;
  - + Các quyền tài sản phát sinh từ các khoản phải thu, các hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán của Nhà máy thép Pomina 1 - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina theo Văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 15.07800110/2015-HĐTC/NHCT900-POM-03 ngày 12 tháng 04 năm 2016 - Xem thêm mục 4.3;
  - + Toàn bộ máy móc thiết bị và toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuê hình thành trong tương lai liên quan đến Dự án "Đầu tư tiếp các khâu thương mại nguồn của dây chuyền luyện KL tại Nhà máy luyện phôi thép - Công ty Cổ phần Thép Pomina công suất 1 triệu tấn/năm" được quy định tại Hợp đồng thế chấp động sản số 17.2680076/HĐTC/NHCT900-POMINA ngày 01 tháng 11 năm 2017 kèm theo Biên bản định giá số 17.2680075/BBĐGTS-MMTB.HTTTTL ngày 01 tháng 11 năm 2017 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 19.2680002/2019/HĐBĐ/NHCT900-POMINA ngày 28 tháng 01 năm 2019 - Xem thêm mục 4.8;
  - + Máy móc thiết bị quy định tại Hợp đồng thế chấp động sản số 17.2680075/HĐTC/NHCT900-POMINA ngày 01 tháng 11 năm 2017 kèm theo Biên bản định giá số 17.2680075/BBĐGTS ngày 01 tháng 11 năm 2017, hợp đồng thế chấp động sản số 17.2680061/HĐTC/NHCT900-POMINA ngày 20 tháng 09 năm 2017 - Xem thêm mục 4.9;
  - + Toàn bộ tài sản và các quyền tài sản gắn liền hoặc phát sinh từ quyền sử dụng đất thuê tại địa chỉ: Thửa đất 402, tờ bản đồ số 19, P. Phú Mỹ, BR-VT liên quan đến Dự án "Đầu tư XD nhà máy luyện phôi thép công suất 1 triệu tấn phôi thép/năm" tại KCN Phú Mỹ 1, Bà Rịa - Vũng Tàu theo hợp đồng thế chấp tài sản số 19.2680001/2019/HĐBĐ/NHCT00-POMINA ngày 28 tháng 01 năm 2019 và 19.2680004/2019/HĐBĐ/NHCT900-POMINA ngày 02 tháng 01 năm 2019 - Xem thêm mục 4.8.

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Hợp đồng cho vay hạn mức số 19.1300007/2019-HĐCVHM/NHCT900-POM3 ngày 01 tháng 03 năm 2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng cho vay hạn mức số 19.1300007/2019-HĐCVHM-SĐBS01/NHCT900-POM3 ngày 17 tháng 04 năm 2020 với hạn mức tín dụng mọi thời điểm không vượt qua 2.000.000.000 VND. Khoản vay với mục đích bổ sung vốn ngắn hạn, phát hành bảo lãnh, L/C nhập khẩu phục vụ hoạt động sản xuất. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2020 với lãi suất điều chỉnh. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản:
- + Hàng hóa luân chuyển của Nhà máy luyện phôi thép - Chi nhánh Công ty CP Thép Pomina tại kho sản xuất ở địa chỉ Đường số 9, KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu được quy định tại Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thẻ chấp quyền tài sản số 01/2013/HĐTC-NHCT900-POM3 - 03 ngày 15 tháng 10 năm 2014 – Xem thêm mục 4.7;
- + Nguồn thu của Nhà máy luyện phôi thép - Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Pomina từ các khoản phải thu, các hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán với các khách hàng, đối tác khách hàng trong quá trình sản xuất kinh doanh được quy định tại Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thẻ chấp quyền tài sản số 01/2013/HĐTC-NHCT900-POM3 - 03 ngày 15 tháng 10 năm 2014 – Xem thêm mục 4.3.
- Hợp đồng cho vay hạn mức số 19.1300085/2019-HĐCVHM/NHCT900-POM2 ngày 10 tháng 10 năm 2019 với hạn mức tín dụng mọi thời điểm không vượt quá 1.500.000.000 VND nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất 6,50% - 7,00% / năm cho khoản vay VND. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 09 năm 2020. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản:
- + Hàng hóa luân chuyển của Công ty CP Thép Pomina 2 tại kho sản xuất ở địa chỉ KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, được quy định trong Hợp đồng thẻ chấp số 01/2013/HĐTC-NHCT900-Pom2 ngày 23 tháng 12 năm 2013 – Xem thêm mục 4.7;
- + Tất cả quyền đòi nợ của Công ty CP Thép Pomina 2 theo Hợp đồng Thẻ chấp số 16.2680098/HĐTCQTS/NHCT900\_Pom2 ngày 30 tháng 11 năm 2016 – Xem thêm mục 4.3 và 4.4.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Vay ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh với tổng hạn mức tại mọi thời điểm không vượt quá 2.000.000.000.000 VND, theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2019/94229/HĐTD ngày 26 tháng 03 năm 2019 và Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng tín dụng số 01/2019/94229/HĐTD-PL01 ngày 31 tháng 03 năm 2020 với hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa là 1.000.000.000.000 VND, thời gian duy trì hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2020. Khoản vay với mục đích bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh, mở L/C, với lãi suất xác định theo từng Hợp đồng tín dụng cụ thể, Hợp đồng cấp bảo lãnh cụ thể, L/C được phát hành. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản như sau:
  - + Quyền sử dụng đất thuê và tài sản gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Thép Pomina theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số 902/QSDĐ/2000 do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 24 tháng 11 năm 2000 với giá trị thế chấp 5.036.000.000 VND, tài sản gắn liền với đất là nhà xưởng sản xuất đang giai đoạn hoàn công, chưa xác định giá trị trong Hợp đồng này theo Hợp đồng thế chấp số 01/2004/94229/HĐ ngày 27 tháng 04 năm 2004. Hợp đồng thế chấp số 02/01/HD-14/0001820 ngày 15 tháng 11 năm 2001 và Phụ lục hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 05 tháng 11 năm 2002, địa chỉ nơi có tài sản tại Lò M, KCN Sóng Thần, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, với diện tích 13.162 m<sup>2</sup>; Giấy Chứng nhận công trình số 150954/CNCT ngày 26 tháng 11 năm 2003 do Sở xây dựng tỉnh Bình Dương cấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2004/94229/HĐ ngày 27 tháng 04 năm 2004 - Xem thêm mục 4.9 và 4.11;
  - + Máy móc thiết bị của Công ty Cổ phần Thép Pomina theo Hợp đồng cầm cố số 02/2004/94229/HĐ ngày 08 tháng 04 năm 2004 có giá trị định giá tại thời điểm nêu trên là 178.470.000.000 VND - Xem thêm mục 4.9.
- Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020/1770447/HĐTD ngày 21 tháng 02 năm 2020 với hạn mức tín dụng mọi thời điểm không vượt quá 500.000.000.000 VND nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất 7,00%/ năm. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 20 tháng 11 năm 2021. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản như sau:
  - + Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty CP Thép Pomina 2, tại kho sản xuất ở địa chỉ KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và toàn bộ phần vốn góp tại Công ty TNHH Tôn Pomina được quy định tại hợp đồng thế chấp phần vốn góp số 01/2020/1770447/HĐĐĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 - Xem thêm mục 4.7.
- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/12088033/HĐTD ngày 31 tháng 05 năm 2019 và phụ lục hợp đồng số 01/2019/12088033/HĐTD-PL1 với hạn mức tín dụng 500.000.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động, mở L/C và phát hành bảo lãnh phục vụ sản xuất kinh doanh; với lãi suất là 7%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản như sau:
  - + Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Tôn Pomina, tại kho sản xuất ở địa chỉ KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu - Xem thêm mục 4.7;
  - + Tất cả quyền đòi nợ của Công ty TNHH Tôn Pomina - Xem thêm mục 4.3 và 4.4;

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- + Các hợp đồng tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 2 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh - Xem thêm mục 4.5.

Vay ngắn hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương với tổng hạn mức tại mọi thời điểm không vượt quá 1.378.000.000.000 VND, theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 078B19 ngày 16 tháng 10 năm 2019 và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 079K19 ngày 16 tháng 10 năm 2019 với tổng hạn mức là 450.000.000.000 VND; nhằm tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 16 tháng 10 năm 2020 với lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được thế chấp bằng các tài sản như sau:
  - + Quyền sử dụng đất thuê và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại Số 01, Đường số 27, KCN Sóng Thần II, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương theo giấy Chứng nhận Quyền dùng đất số 98QSDĐ/2003 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 28/03/2003 và Giấy chứng nhận Quyền sở hữu công trình xây dựng số 46/CN-SHCT do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 24/11/2009 với giá trị định giá 96.162.000.000 VND theo Biên bản định giá số 157/2019 ngày 16 tháng 10 năm 2019 - Xem thêm mục 4.9 và 4.11;
  - + Máy móc thiết bị được quy định tại Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0477TC2017 và 048TC17 ngày 04 tháng 11 năm 2017 với tổng giá trị định giá 36.216.000.000 VND theo Biên bản định giá số 158/2019 ngày 16 tháng 10 năm 2019 - Xem thêm mục 4.9;
  - + Toàn bộ quyền sở hữu và toàn bộ các quyền tài sản khác phát sinh từ hoặc liên quan đến toàn bộ vốn góp của Công ty vào CTCP Thép Pomina 2 (tên cũ: Công ty Cổ phần Thép Việt) với giá trị thế chấp tối thiểu là 700.000.000.000 VND;
  - + Quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng kinh doanh thương mại với giá trị tối thiểu 637 tỷ đồng tại mọi thời điểm - Xem thêm mục 4.3;
  - + Hàng hóa luân chuyển trong quá trình kinh doanh được quy định tại Hợp đồng thế chấp số 092TC19 ngày 16 tháng 10 năm 2019 với giá trị tối thiểu 637 tỷ đồng tại mọi thời điểm - Xem thêm mục 4.7.
- Hợp đồng cho vay hạn mức số 10103/1928/N-KD/01 ngày 29 tháng 11 năm 2019 với hạn mức tín dụng mọi thời điểm không vượt quá 528.000.000.000 VND nhằm bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh với lãi suất 6,50% - 7,00%/ năm cho khoản vay VND và 3,80% - 4,00%/ năm cho khoản vay USD. Thời hạn duy trì hạn mức kể từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 22 tháng 11 năm 2020. Khoản vay được thế chấp bằng các tài sản như sau:
  - + Toàn bộ máy móc, thiết bị, phương tiện vận chuyển thuộc Dự án nhà máy thép Luyện phôi Thép và Nhà máy Cán Thép Hợp Kim - Xem thêm mục 4.9;

## CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Hợp đồng tín dụng số 0093/1928/N-CTD ngày 14 tháng 11 năm 2019 và hợp đồng số 0036/2028/N-CTD ngày 01 tháng 06 năm 2020 với hạn mức tín dụng 400.000.000 VND để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được thế chấp bằng các tài sản như sau:
  - + Toàn bộ máy móc, thiết bị hình thành trong tương lai thuộc dự án nhà máy sản xuất tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và ống thép màu, quy mô 600.000 tấn/năm, giai đoạn 1: 200.000 tấn/năm và phần giá trị tăng thêm được gắn liền với máy móc, thiết bị 0011/1928/TCDN1 ngày 29 tháng 01 năm 2019 và 0052/1828/TCDN1 ngày 24 tháng 05 năm 2018 – Xem thêm mục 4.8;
  - + Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH Tôn Pomina tại kho sản xuất ở địa chỉ KCN Phú Mỹ I, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo hợp đồng thế chấp số 0118/1928/TCDN1 ngày 14 tháng 11 năm 2019 – Xem thêm mục 4.7;
  - + Thư bảo lãnh vay vốn của Công ty CP Thép Pomina 2 số 41/BGD/2019 ngày 14 tháng 11 năm 2019.

Vay dài hạn ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Hợp đồng tín dụng số 17.2680105/2017-HDCVDADT/NHCT900-POMINA ngày 01 tháng 11 năm 2017 với hạn mức 1.035.000.000 VND nhằm thanh toán các chi phí của dự án Nhà máy luyện phôi thép công suất 1.000.000 tấn/năm tại Đường số 09, KCN Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Lãi suất đi vay là lãi suất thả nổi, được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ máy móc thiết bị của Công ty được dùng để phát hành bảo lãnh, mở LC, thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp để đầu tư dự án "Đầu tư tiếp các khâu thương mại của dây chuyền luyện kim loại tại Nhà máy luyện phôi thép - Công ty Cổ phần Thép Pomina công suất 1 triệu tấn/ năm" – Xem thêm mục 4.8 và 4.9.

Vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số 0048/1828/TTTCG ngày 25 tháng 05 năm 2018 đến hết ngày 12 tháng 06 năm 2025, với hạn mức 913.948.000.000 VND, dùng để thanh toán chi phí xây dựng và các chi phí thuộc dự án xây dựng nhà máy sản xuất tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và ống thép màu, quy mô 600.000 tấn/năm, giai đoạn 1: 200.000 tấn/năm tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Hợp đồng cho vay theo dự án đầu tư số 0048/1828/D-DA/01, ngày 24 tháng 05 năm 2018. Các khoản vay chịu lãi suất từ 3,64%/năm đến 4,78%/năm đối với USD, từ 9,0%/năm đến 9,4%/năm đối với VND. Khoản vay được thế chấp bằng máy móc thiết bị theo các hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 0052/1828/TCDN1 ngày 24/5/2018; tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai và bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang của Công ty Cổ phần Thép Pomina 2 - Xem thêm mục 4.8 và 4.9.

Vay dài hạn cá nhân là vay bên liên quan với hình thức tín chấp, chịu lãi suất từ 0%/năm, có thời hạn vay 03 năm theo các Hợp đồng vay số 185/2019/CRX ngày 15 tháng 6 năm 2019 với hạn mức 50.000.000 VND, hợp đồng vay số 406/2019/CRX ngày 17 tháng 12 năm 2019 với hạn mức 35.000.000 VND, hợp đồng vay số 109/2018/CRX ngày 01 tháng 03 năm 2019, phụ lục 109/PL01/2018/CRX với hạn mức 36.120.000 VND và hợp đồng vay số 01/2020 với hạn mức 2.590.000 VND - Xem thêm mục 8.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.17. Vốn chủ sở hữu****4.17.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu (không kể lợi ích cổ đông không kiểm soát)						Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2019	2.433.449.520.000	35.000.000.000	(31.347.567.000)	701.430.066.244	658.238.139.762	3.796.770.159.006	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(308.711.942.320)	(308.711.942.320)	
Tại ngày 01/01/2020	2.433.449.520.000	35.000.000.000	(31.347.567.000)	701.430.066.244	349.526.197.442	3.488.058.216.686	
Tăng vốn trong 6 tháng đầu năm nay	363.313.840.000	-	-	-	(363.313.840.000)	-	
Lỗ trong 6 tháng đầu năm nay	-	-	-	-	(150.678.069.925)	(150.678.069.925)	
<b>Tại ngày 30/06/2020</b>	<b>2.796.763.360.000</b>	<b>35.000.000.000</b>	<b>(31.347.567.000)</b>	<b>701.430.066.244</b>	<b>(164.465.712.483)</b>	<b>3.337.380.146.761</b>	

(Xem tiếp trang sau)



**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****4.17.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Vốn góp của cổ đông	2.796.763.360.000	2.433.449.520.000

**4.17.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Vốn góp đầu năm	2.433.449.520.000	2.433.449.520.000
Vốn góp tăng trong năm	363.313.840.000	-
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>2.796.763.360.000</b>	<b>2.433.449.520.000</b>

**4.17.4. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành:	279.676.336	243.344.952
<i>Bao gồm: Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm</i>	<i>243.344.952</i>	<i>243.344.952</i>
<i>Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm</i>	<i>36.331.384</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng:	279.676.336	243.344.952
<i>Bao gồm: Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm</i>	<i>243.344.952</i>	<i>243.344.952</i>
<i>Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm</i>	<i>36.331.384</i>	<i>-</i>
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ):	(1.132.790)	(1.132.790)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành:	278.543.546	242.212.162
<i>Bao gồm: Số lượng cổ phiếu phổ thông trước khi phát hành thêm</i>	<i>242.212.162</i>	<i>242.212.162</i>
<i>Số lượng cổ phiếu phổ thông phát hành thêm</i>	<i>36.331.384</i>	<i>-</i>

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.

Cổ phiếu phổ thông phát hành thêm là do chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2019.

(Xem tiếp trang sau)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**4.17.5. Lãi/ (lỗ) cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi/ (Lỗ) sau thuế của cổ đông công ty mẹ	(150.678.069.925)	(131.816.967.148)
Lãi/ (lỗ) sau thuế để tính lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	(150.678.069.925)	(131.816.967.148)
Số cổ phiếu lưu hành bình quân trong kỳ	278.543.546	278.543.546
<b>Lãi/ (lỗ) cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(541)</b>	<b>(473)</b>

**4.18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Ngoại tệ các loại:		
USD	610.609,91	1.467.805,67
EUR	1.446,13	1.451,59

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

**5.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng nội địa	4.155.454.314.379	3.806.444.427.430
Doanh thu bán hàng xuất khẩu	880.392.186.205	1.474.685.108.158
Doanh thu bán phế liệu	31.995.988.835	901.722.133.513
Doanh thu gia công	3.154.412.727	1.971.915.625
Doanh thu khác	182.070.400	-
<b>Cộng</b>	<b>5.071.178.972.546</b>	<b>6.184.823.584.726</b>

Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 8

	3.273.784.840.817	4.430.725.585.795
--	-------------------	-------------------

Doanh thu giảm chủ yếu là do khối lượng bán giảm mạnh, đồng thời giá bán cũng có xu hướng giảm do tình hình cạnh tranh khốc liệt đối với thị trường nội địa, cũng như thép nhập khẩu từ Trung Quốc. Đồng thời do dịch bệnh Covid-19 cũng khiến cho việc xây dựng các dự án bị đình trệ, xuất khẩu gặp khó khăn, ảnh hưởng đến nhu cầu sắt thép trên thị trường.

(Xem tiếp trang sau)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****5.2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chiết khấu thương mại	28.180.443.724	-
Giảm giá hàng bán	874.506.335	76.281.955
Hàng bán bị trả lại	1.735.183.915	167.703.850
<b>Cộng</b>	<b>30.790.133.974</b>	<b>243.985.805</b>

Chiết khấu thương mại là các khoản hỗ trợ bán hàng giữa Công ty TNHH Tôn Pomina với khách hàng theo những điều kiện cụ thể quy định tại hợp đồng nguyên tắc. Đây là chính sách bán hàng mới phát sinh năm 2020 của Công ty TNHH Tôn Pomina.

**5.3. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.862.190.951.686	4.778.286.658.030
Giá vốn của hàng hóa đã bán	9.471.744.201	657.289.237.278
Giá vốn phế liệu đã bán	28.932.176.351	642.661.741.726
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.201.737.405	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	820.210.705	1.999.285.298
<b>Cộng</b>	<b>4.902.616.820.348</b>	<b>6.080.236.922.332</b>

**5.4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi	2.316.763.481	297.510.739
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.691.549.764	3.885.571.288
<b>Cộng</b>	<b>9.008.313.245</b>	<b>4.183.082.027</b>

**5.5. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	209.606.785.105	148.413.767.420
Lỗ chênh lệch tỷ giá	9.100.553.960	10.204.465.010
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	2.644.755.415	4.010.521.614
Chi phí khác	-	1.431.986.301
<b>Cộng</b>	<b>221.352.094.480</b>	<b>164.060.740.345</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

Dự án Nhà máy sản xuất tôn mạ kẽm, tôn mạ màu và ống thép màu của Công ty TNHH Tôn Pomina ngưng vốn hóa lãi vay từ tháng 07 năm 2019. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến chi phí lãi vay Nhóm Công ty 06 tháng năm 2020 cao hơn 06 tháng năm 2019.

**5.6. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	6.519.213.699	3.159.033.081
Chi phí công cụ, dụng cụ	341.462.575	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	105.008.519	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.508.081.256	11.747.838.226
Chi phí khác	3.024.622.311	317.553.752
<b>Cộng</b>	<b>20.498.388.360</b>	<b>15.224.425.059</b>

**5.7. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	33.589.190.126	29.215.070.439
Chi phí công cụ, dụng cụ	170.940.158	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.492.091.452	12.440.440.150
Chi phí khấu hao	2.138.425.727	2.275.958.513
Chi phí khác	7.287.176.845	8.862.552.980
<b>Cộng</b>	<b>52.677.824.308</b>	<b>52.794.022.082</b>

**5.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.987.647.276.887	5.844.629.865.416
Chi phí nhân công	138.353.649.000	119.769.513.413
Chi phí khấu hao tài sản cố định	122.488.380.358	107.664.716.568
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	140.811.862.569	129.750.013.164
<b>Cộng</b>	<b>4.389.301.168.814</b>	<b>6.201.814.108.561</b>

**5.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên thu nhập chịu thuế với thuế suất thuế TNDN của từng công ty trong Nhóm công ty như sau:

<u>Tên Công ty</u>	<u>Thuế suất thuế TNDN kỳ này</u>
Công ty Cổ phần Thép Pomina	10% và 20%
Công ty Cổ phần Thép Pomina 2	10% - 15% và 20%
Công ty TNHH Tôn Pomina	17%

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT****6.1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	5.497.574.878.973	8.810.463.109.861

**6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(6.212.975.956.713)	(8.008.446.372.256)

**7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động chính của Nhóm công ty là sản xuất sắt, thép. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhóm công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Nhóm công ty sản xuất ra hoặc do Nhóm công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Nhóm công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Nhóm công ty không trình bày thông tin theo bộ phận.

**8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN****Danh sách các bên liên quan****Mối quan hệ**

1. Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thép Việt	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ phần Thép Pomina 2	Công ty con
3. Công ty TNHH Tôn Pomina	Công ty con gián tiếp
4. Công ty TNHH Thương mại Thép Pomina	Công ty cùng hệ thống
5. Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Giao dịch nội bộ giữa các công ty trong Nhóm công ty đã được loại trừ toàn bộ trong quá trình hợp nhất.

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày</u> <u>30/06/2020</u> <u>VND</u>	<u>Tại ngày</u> <u>01/01/2020</u> <u>VND</u>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Xem thêm mục 4.3:		
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thép Việt	1.808.210.326.537	1.875.354.384.032

**CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP POMINA VÀ CÁC CÔNG TY CON**

Địa chỉ: Số 1, Đường số 27, KCN Sóng Thần 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

	<b>Tại ngày 30/06/2020 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020 VND</b>
Tạm ứng – Xem thêm mục 4.5:		
Ông Đỗ Tiến Sĩ – Tổng Giám đốc	11.412.720	2.731.983
	<b>Tại ngày 30/06/2020 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020 VND</b>
Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.12:		
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thép Việt	(251.618.750)	(254.493.600)
	<b>Tại ngày 30/06/2020 VND</b>	<b>Tại ngày 01/01/2020 VND</b>
Ông Đỗ Xuân Chiêu – Chủ tịch HĐQT:		
Phải trả dài hạn khác – Xem thêm mục 4.15	(95.883.342.000)	(95.883.342.000)
Vay dài hạn – Xem thêm mục 4.16	(123.705.900.000)	(121.115.900.000)
Trong kỳ, Nhóm công ty đã có giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:		
	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Bán hàng và cung cấp dịch vụ – Xem thêm mục 5.1		
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thép Việt	3.273.784.840.817	4.430.725.585.795
	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Mua hàng và dịch vụ cung cấp:		
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thép Việt	950.510.100	1.075.202.820
Thủ lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác của Nhóm công ty được chi tiết như sau:		
	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Thủ lao và thu nhập	3.212.835.718	2.833.647.524
<b>9. THU NHẬP BAN KIỂM SOÁT NHÓM CÔNG TY</b>		
	<b>Kỳ này VND</b>	<b>Kỳ trước VND</b>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	347.441.873	414.040.304

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)****10. CAM KẾT THEO CÁC HỢP ĐỒNG THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Nhóm công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 30 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ.

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	14.275.273.747	13.258.200.498

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Nhóm công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2020 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2020 VND</u>
Từ 1 năm trở xuống	19.058.538.097	26.754.712.415
Trên 1 năm đến 5 năm	117.797.220.410	118.239.632.906
Trên 5 năm	599.460.419.674	614.167.666.179
<b>Cộng</b>	<b><u>736.316.178.181</u></b>	<b><u>759.162.011.500</u></b>

**11. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (Trích):

	<u>Kỳ trước VND (Được báo cáo lại)</u>	<u>Kỳ trước VND (Đã được báo cáo trước đây)</u>
Lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu	(473)	(544)

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 30 – Lãi trên cổ phiếu, Nhóm công ty báo cáo lại số liệu so sánh lãi cơ bản và suy giảm trên cổ phiếu nêu trên là do số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm 2020 tăng lên do chi trả cổ tức bằng cổ phiếu theo các Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của Nhóm công ty.

*(Xem tiếp trang sau)*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Vào tháng 07 năm 2020, Covid-19 bùng phát trở lại tại Việt Nam nên ảnh hưởng đầy đủ của dịch bệnh vẫn chưa xác định được. Tuy nhiên, khả năng xảy ra mức độ ảnh hưởng tiêu cực của Covid-19 đến doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh của Nhóm công ty trong giai đoạn tới là tùy thuộc vào thời gian diễn biến của dịch bệnh.



**Đỗ Tiên Sĩ**

**Tổng Giám đốc**

Bình Dương, ngày 04 tháng 09 năm 2020

**Nguyễn Nhựt Trường**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Thị Phương Mai**  
**Người lập biểu**